

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ : 58 Yersin - Phường Phương Sơn - Nha trang

=====

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ 3 NĂM 2016**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT**  
**NƯỚC KHÁNH HÒA**

Khánh hòa ngày 15 tháng 10 năm 2016

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

**MẪU B 01-DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/09/2016	
			30/09/2016	01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>137.463.830.032</b>	<b>153.517.559.730</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>46.165.360.061</b>	<b>55.629.301.994</b>
1. Tiền	111		17.165.360.061	20.629.301.994
2. Các khoản tương đương tiền	112		29.000.000.000	35.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>24.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	24.000.000.000	20.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>28.640.401.120</b>	<b>28.995.920.321</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	27.945.956.742	26.597.626.944
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	523.983.545	713.886.020
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	324.060.833	1.838.007.357
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(153.600.000)	(153.600.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>38.647.571.326</b>	<b>38.967.461.843</b>
1. Hàng tồn kho	141		38.647.571.326	38.967.461.843
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.497.525</b>	<b>9.924.875.572</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	-	2.582.596.413
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	6.483.175.433
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.16	10.497.525	859.103.726
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>385.447.632.044</b>	<b>385.732.178.916</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.10	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			30/09/2016	01/01/2016
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	V.11	-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>362.561.294.724</b>	<b>357.498.477.162</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	340.884.954.437	339.631.834.613
<i>Nguyên giá</i>	222		653.167.544.381	599.647.060.311
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(312.282.589.944)	(260.015.225.698)
2. Tài sản cố định vô hình	224	V.10	21.676.340.287	17.866.642.549
<i>Nguyên giá</i>	225		27.837.385.000	22.698.885.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(6.161.044.713)	(4.832.242.451)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>15.219.274.191</b>	<b>22.111.516.813</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.11	3.695.378.567	701.530.535
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	11.523.895.624	21.409.986.278
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>7.107.867.366</b>	<b>3.507.867.366</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	7.200.000.000	3.600.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(92.132.634)	(92.132.634)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>559.195.763</b>	<b>2.614.317.575</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	559.195.763	2.614.317.575
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.16	-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>522.911.462.076</b>	<b>539.249.738.646</b>

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**  
 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết	30/09/2016	01/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>231.081.422.423</b>	<b>248.073.341.159</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>51.969.068.029</b>	<b>76.852.429.765</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	7.157.608.880	8.480.347.355
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	4.677.856.440	2.239.686.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	12.644.484.669	25.712.614.190
4. Phải trả người lao động	314		15.718.416.700	20.086.380.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	512.499.050	3.080.203.983
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây d	317		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	-	65.024.545
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	461.285.012	359.179.414
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	5.793.080.000	13.116.160.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22	-	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20a	5,003.837.278	3.712.834.278
10. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	323	V.22	-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>179.112.354.394</b>	<b>171.220.911.394</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	8.013.426.354	8.403.583.354
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	169.174.158.378	160.862.158.378
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340	V.12	-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.21	1.924.769.662	1.955.169.662
<b>D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>291.830.039.653</b>	<b>291.176.397.487</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.22</b>	<b>291.830.039.653</b>	<b>291.176.397.487</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		260.000.000.000	260.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>260.000.000.000</i>	<i>260.000.000.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>411b</i>		<i>-</i>	<i>-</i>
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		852.875.935	852.875.935
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết	30/06/2016	01/01/2016
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(290.820.000)	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.886.075.000	2.349.780.000
Quỹ dự phòng tài chính			-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.973.741.552	27.973.741.552
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế</i>	421a		3.464.857.552	2.610.791.861
<i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này</i>	421b		22.917.051.166	25.362.949.691
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>522.911.462.076</b>	<b>539.249.738.646</b>

  
**NGUYỄN VĂN QUÂN**  
 Kế toán trưởng

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 10 năm 2016  
  
  
**TRẦN VĂN HUY**  
 Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**  
 58 Yersin - Phường Phương Sài - TP Nha Trang

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**  
 ( Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016 )

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>67.074.875.084</b>	<b>63.775.778.537</b>
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01A		67.074.875.084	63.775.778.537
- Thuế TTĐB, thuế XK, thuế GTGT tr/t phải nộp	01B			
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		<b>7.542.000</b>	
+ Chiết khấu thương mại	02A			
+ Giảm giá	02B			
+ Hàng bán bị trả lại	02C		7.542.000	
+ Doanh thu chưa thực hiện	02D			
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02)</b>	<b>10</b>		<b>67.067.333.084</b>	<b>63.775.778.537</b>
4. Giá vốn hàng bán	11		56.702.501.286	52.452.379.626
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>10.364.831.798</b>	<b>11.323.398.911</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		527.351.991	742.376.511
7. Chi phí tài chính	22		1.471.421.146	1.216.279.144
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.471.421.146	1.216.279.144
8. Chi phí bán hàng	25			60.000.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1.187.228.238	1.189.491.020
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>8.233.534.405</b>	<b>9.600.005.258</b>
11. Thu nhập khác	31		1.270.069.951	1.057.464.020
12. Chi phí khác	32		916.825.888	1.075.528.140
<b>13. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>353.244.063</b>	<b>-18.064.120</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>8.586.778.468</b>	<b>9.581.941.138</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.157.753.806	1.150.285.789


KẾ TÍNH P H / 5/1

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phải trả	52A			
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phải thu	52B			
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>7.429.024.662</b>	<b>8.431.655.349</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

  
 Nguyễn Văn Quân  
 Kế toán trưởng

Khánh Hòa ngày 15 tháng 10 năm 2016



  
 Trần Văn Huy  
 Tổng Giám đốc

10  
 S  
 T  
 A  
 /  
 N

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**  
**58 Yersin - Phường Phương Sài - TP Nha Trang**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (PHƯƠNG PHÁP TRỰC TIẾP)**

Mã số	Chỉ tiêu	Mã số in	Thuyết	Năm nay	Năm trước
I1	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		90.746.959.150	80.280.882.736
01A	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01A		90.731.336.400	80.257.476.976
01B	1. Tiền thu từ bán hàng(nội bộ)	01B		15.622.750	23.405.760
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		-31.575.088.285	-33.871.219.073
02A	- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ [A]	02A		-832.444.618	-769.515.187
02B	- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ [B]	02B		-30.742.643.667	-33.101.703.886
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-15.148.608.000	-13.244.087.644
04	4. Tiền lãi vay đã trả	04		-1.471.421.146	-1.216.279.144
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-500.000.000	-700.000.000
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.251.928.498	1.103.824.242
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-52.384.399.305	-22.303.292.944
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		-4.080.629.088	10.049.828.173
I2	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-1.407.263.774	-769.333.302
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
22A	- Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22A			
22B	- Tiền chi liên quan đến t/lý, nhượng bán TSCĐ và các TS khác	22B			
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.000.000.000	
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			-1.600.000.000
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		23.822.025	14.365.376
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.616.558.251	-2.354.967.926
I3	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành	32			
33	3. Tiền thu từ đi vay	33			




Mã số	Chi tiêu	Mã số in	Thuyết	Năm nay	Năm trước
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-1.410.000.000	-680.000.000
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-1.410.000.000	-680.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		-1.874.070.837	7.014.860.247
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		19.039.430.898	71.218.239.649
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
61A	- Lãi do đánh giá chênh lệch tỷ giá	61A			
61B	- Lỗ do đánh giá chênh lệch tỷ giá	61B			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		17.165.360.061	78.233.099.896

  
 Nguyễn Văn Quân  
 Kế toán trưởng



Khánh hòa ngày 15 tháng 10 năm 2016

  
 Trần Văn Huy  
 Tổng Giám đốc

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam  
Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

---

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016**

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần.

**2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, dịch vụ.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và cung cấp nước sạch; Thi công lắp đặt công trình trạm bơm và đường ống cấp thoát nước; Thiết kế mạng lưới và công trình trạm bơm cấp thoát nước; Tư vấn thẩm tra mạng lưới và công trình trạm bơm cấp thoát nước..

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

**6. Nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 330 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 325 nhân viên).

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

#### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

##### **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

##### **3. Các khoản đầu tư tài chính**

###### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

###### *Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết*

###### *Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

###### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là lợi thế kinh doanh, chi phí công cụ, dụng cụ, các tuyến ống, chi phí sửa chữa, đồng hồ thay mới,... Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Lợi thế kinh doanh*

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty. Lợi thế kinh doanh được phân bổ trong 3 năm kể từ thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần.

##### *Chi phí trả trước dài hạn khác*

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm: công cụ, dụng cụ, các tuyến ống, chi phí sửa chữa, đồng hồ thay mới,... đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

#### 7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc và thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

#### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,.... Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất.

#### ***Chương trình phần mềm máy tính***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

#### ***Tài sản cố định vô hình khác***

Tài sản cố định vô hình khác là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra để lập quy hoạch hệ thống cấp nước TP. Nha Trang và Huyện Diên Khánh đến 2010 và định hướng đến 2025. Tài sản này được khấu hao 15 năm.

### **10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### **11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
  - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
  - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
  - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
  - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Tài sản cố định hình thành từ quỹ phát triển khoa học và công nghệ được ghi giảm quỹ tương ứng và không phải trích khấu hao.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ không quá 10% thu nhập tính thuế trong kỳ và do Hội đồng quản trị quyết định căn cứ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được tính vào chi phí hoặc phân bổ cho các năm sau.

#### 13. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

##### *Cổ phiếu quỹ*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

#### 14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### 16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### 17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

#### 18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

---

- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

#### 21. Công cụ tài chính

##### *Tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ phải trả tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

##### *Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

##### *Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	337.574.564	5.657.870
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.827.785.497	20.623.644.124
Các khoản tương đương tiền	29.000.000.000	35.000.000.000
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	29.000.000.000	35.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>46.165.360.061</b>	<b>55.629.301.994</b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

#### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>24.000.000.000</b>	<b>24.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	24.000.000.000	24.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>24.000.000.000</b>	<b>24.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>	<b>20.000.000.000</b>

#### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201574467 ngày 27 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu 24.000.000.000VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty đã đầu tư 3.600.000.000VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 7.200.000.000VND, tương đương 9% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu là 16.800.000.000VND.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### Tình hình hoạt động của công ty liên doanh, liên kết

Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng nhà máy, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh chính là khai thác, xử lý và cung cấp nước.

#### Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

\_\_\_\_\_ Kỳ này \_\_\_\_\_ Kỳ trước

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	92.132.634	-
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>92.132.634</b>	<b>-</b>

*Giao dịch với công ty liên doanh, liên kết*

Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu là công ty liên kết như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phải trả phí cải tạo hệ thống cấp nước Khu đô thị Biển An Viên	-	1.694.285.000
Thanh toán 90% tư vấn lập hồ sơ Tuyến ống DN 700 từ Nhà máy nước võ cạnh đến cầu đứ	918.000.000	630.000.000

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>		
Phải thu tiền nước khách hàng	27.899.508.742	23.585.853.293
Phải thu hoạt động xây lắp	46.448.000	862.911.651
Phải thu hoạt động nạo vét hệ thống nước	-	2.148.862.000
<b>Cộng</b>	<b>27.945.956.127</b>	<b>26.597.626.944</b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>		
Công ty Cổ phần tự động Công nghiệp Omina	159.720.000	310.271.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng và môi trường (Ideca)	98.000.000	98.000.000
Công ty Cổ phần 504	100.000.000	100.000.000
Các khách hàng khác	166.263.545	205.615.020
<b>Cộng</b>	<b>523.983.545</b>	<b>713.886.020</b>

**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối kỳ</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Lãi Tiền gửi Ngân hàng			274.455.507	
Công ty giày Thiên phước	5.202.000			
Nguyễn Thị Tú Hoa và Nguyễn Ngọc Duy	13.230.833			-
Ký cược vỏ chai	20.000.000	-	20.000.000	-
Thuế TNCN còn phải thu của công nhân viên		-	1.438.551.850	-
Tạm ứng nhân viên+ Xí nghiệp	285.628.000	-	105.000.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản phải thu ngắn hạn khác		-		-
<b>Cộng</b>	<b>324.060.833</b>	<b>-</b>	<b>1.838.007.357</b>	<b>-</b>

**6. Nợ xấu**

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>						
Công ty Cổ phần 504	Trên 3 năm	100.000.000	-	Trên 3 năm	100.000.000	-
Công ty Cổ phần Catsoft	Trên 3 năm	53.600.000	-	Trên 3 năm	53.600.000	-
<b>Cộng</b>		<b>153.600.000</b>	<b>-</b>		<b>153.600.000</b>	<b>-</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	153.600.000	-
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>153.600.000</b>	<b>-</b>

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	38.647.571.326	-	38.967.461.843	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang		-	348.446.522	-
<b>Cộng</b>	<b>38.647.571.326</b>	<b>-</b>	<b>39.315.908.365</b>	<b>-</b>

**8. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lợi thế kinh doanh	340.234.257	1.360.936.983
Đồng hồ thay mới	21.358.681	39.698.333
Hệ thống nước	197.602.826	1.086.815.583
Chi phí khác	-	126.866.676
<b>Cộng</b>	<b>559.195.764</b>	<b>2.614.317.575</b>

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	57.353.630.507	149.667.477.854	390.931.266.706	1.694.685.244	599.647.060.311

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Mua trong kỳ	-	4.932.711.705	-	-	4.932.711.705
Đầu tư XDCB hoàn thành	2.726.274.762	12.447.832.603	33.413.665.000	-	48.587.772.365
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>60.079.905.269</b>	<b>156.918.384.457</b>	<b>424.344.931.706</b>	<b>1.694.685.244</b>	<b>653.167.544.381</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	5.254.024.377	18.847.894.052	21.041.569.318	762.330.698	45.905.818.445
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	24.542.086.029	46.229.920.093	188.185.208.312	1.058.011.264	260.015.225.698
Khấu hao trong kỳ	4.338.923.688	21.203.142.408	26.492.209.508	233.088.642	52.267.364.246
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>28.881.009.717</b>	<b>67.433.062.501</b>	<b>205.452.561.889</b>	<b>1.291.099.906</b>	<b>312.282.589.944</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	32.811.544.478	103.437.557.761	202.746.058.394	636.673.980	339.631.834.613
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>31.198.895.552</b>	<b>89.485.321.956</b>	<b>218.892.369.817</b>	<b>403.585.338</b>	<b>340.884.954.437</b>

**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	19.498.185.000	2.579.904.000	620.796.000	22.698.885.000
Mua trong kỳ	5.138.500.000	-	-	5.138.500.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>24.636.685.000</b>	<b>2.579.904.000</b>	<b>620.796.000</b>	<b>27.837.385.000</b>
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	1.098.903.000	-	1.098.903.000
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	2.339.782.200	2.209.653.759	282.806.492	4.832.242.451
Khấu hao trong kỳ	927.512.218	370.250.241	31.039.803	1.328.802.262
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>3.267.294.418</b>	<b>2.579.904.000</b>	<b>313.846.295</b>	<b>6.161.044.713</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	17.158.402.800	370.250.241	337.989.508	17.866.642.549
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>21.369.390.582</b>	<b>0</b>	<b>306.949.705</b>	<b>21.676.340.287</b>

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	21.409.986.278	40.170.491.271	(30.448.773.819)	(16.748.121.712)	14.383.582.018
- Công trình nâng công suất Nhà máy nước Võ Cạnh	2.795.102.744	-	-	-	-
- Dự án mở rộng nâng cấp hệ thống	1.053.702.202	-	-	-	1.053.702.202

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
<i>nước TP. Nha Trang</i>					
- Tuyến ống cấp nước Khu dân cư Diên Thủy - Diên Điền - Diên Phú	7.430.892.389	-	-	-	-
- Trạm bơm 2A - 2016	2.314.980.000	-	-	-	-
- Các công trình tuyến ống cấp nước	7.815.308.943	26.711.666.113	(16.278.362.546)	(6.724.716.886)	11.523.895.624
<b>Cộng</b>	<b>21.409.986.278</b>	<b>40.170.491.271</b>	<b>(30.448.773.819)</b>	<b>(16.748.121.712)</b>	<b>14.383.582.018</b>

**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	691.863.000
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu	102.000.000	691.863.000
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	7.055.608.880	7.788.484.355
Công ty TNHH Dững Lợi	-	4.216.772.000
Công ty Cổ phần quản lý và xây dựng giao thông Khánh Hòa	245.397.000	917.617.000
Công ty Cổ phần nhựa Đồng Nai	133.375.000	-
Công ty Cổ phần HAWACO Miền Nam	1.339.800.000	-
Công ty TNHH Thương mại N.T.P	1.952.623.200	-
Công ty TNHH Một thành viên Đồng Phát	-	885.659.000
Các nhà cung cấp khác	3.384.413.680	1.768.436.355
<b>Cộng</b>	<b>7.157.608.880</b>	<b>8.480.347.355</b>

**13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Ban Quản lý dự án các công trình Giao thông và Thủy Lợi Khánh Hòa	3.380.279.000	1.776.069.000
Trả trước của các khách hàng khác	1.297.577.440	463.617.000
<b>Cộng</b>	<b>4.677.856.440</b>	<b>2.239.686.000</b>

**14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	859.103.726	2.965.868.139	(2.000.000.000)	106.764.413	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.575.502.850	-	1.191.600.500	(2.721.530.350)	45.573.000	-
Thuế tài nguyên	128.080.400	-	1.200.631.200	(1.277.886.800)	149.824.000	-
Tiền thuê đất	19.498.185.000	-	-	(12.500.000.000)	6.998.185.000	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.510.845.940	-	45.080.919.636	(44.247.628.120)	5.344.137.456	-
Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	296.336.103	-	3.160.469.258	(3.085.212.327)	371.593.034	-
Phí thoát nước đô thị	3.886.021.237	-	40.823.800.778	(40.122.549.953)	4.587.272.062	-
Phí dịch vụ bảo vệ môi trường rừng	328.488.600	-	1.096.649.600	(1.039.865.840)	385.272.360	-
<b>Cộng</b>	<b>25.712.614.190</b>	<b>859.103.726</b>	<b>64.064.509.229</b>	<b>(76.284.032.549)</b>	<b>12.633.987.144</b>	<b>-</b>

#### Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động cung cấp nước sạch 5%
- Hoạt động xây lắp, khảo sát thiết kế và dịch vụ khác 10%

#### Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (kỳ trước thuế suất là 22%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	25.884.616.305	15.033.438.732
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	413.963.696	192.797.574
- Các khoản điều chỉnh giảm	413.963.696	192.797.574
		-
Thu nhập chịu thuế	26.298.590.001	15.226.236.306
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>5.259.716.000</b>	<b>3.349.771.987</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</b>	<b>(2.259.847.861)</b>	<b>(1.510.718.574)</b>
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ đầu năm</b>	<b>2.965.868.139</b>	<b>1.839.053.414</b>
<b>(Tổng số thuế TNDN phải nộp quý 3/2016)</b>	<b>1.157.753.806</b>	

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### Thuế tài nguyên



**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Công ty phải nộp thuế tài nguyên đối với mặt nước phục vụ sản xuất với giá tính thuế là 4.000 VND/m<sup>3</sup> và thuế suất 1%.

**Tiền thuê đất**

Tiền thuê đất tại số 58 Yersin, Phường Phương Sài, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa với diện tích 1.185,3m<sup>2</sup>, Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

**Thuế nhà đất**

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>512.499.050</i>	<i>3.080.203.983</i>
Chi phí lãi vay phải trả	-	330.332.388
Chi phí công trình	-	942.111.480
Chi phí hỗ trợ phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt	-	317.007.890
Chi phí khám sức khỏe định kỳ	-	192.900.000
Chi phí may bảo hộ lao động cho công nhân	-	249.018.104
Chi phí tiền điện sản xuất	-	361.010.529
Chi phí khác	512.499.050	687.823.592
<b>Cộng</b>	<b>512.499.050</b>	<b>3.080.203.983</b>

**16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>461.285.012</i>	<i>359.179.414</i>
Cổ tức phải trả	-	-
Kinh phí công đoàn	404.513.884	288.611.884
Bảo hiểm xã hội	-	-
Bảo hiểm y tế	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	25.573.768	-
Thanh toán chế độ ốm đau thai sản	31.197.360	70.567.530
Các khoản phải trả dài hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>461.285.012</b>	<b>359.179.414</b>

**16b. Phải trả dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>8.013.426.354</i>	<i>8.403.583.354</i>
Tiền lãi vay ân hạn phải trả - Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa <sup>(*)</sup>	7.238.000.000	8.126.400.000
Hội phí cấp nước miền Trung Tây Nguyên	775.426.354	277.183.354

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Cộng</b>	<b>8.013.426.354</b>	<b>8.403.583.354</b>

(\*) Tiền lãi vay ân hạn phải trả dài hạn căn cứ theo lịch trả nợ của Biên bản làm việc với Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa. Tiền lãi được trả định kỳ 06 tháng một lần, mỗi kỳ 888.400.000 VND.

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn****17a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.16b)	5.793.080.000	5.793.080.000	13.116.160.000	13.116.160.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	4.513.080.000	4.513.080.000	9.026.160.000	9.026.160.000
- Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa	1.280.000.000	1.280.000.000	4.090.000.000	4.090.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.793.080.000</b>	<b>5.793.080.000</b>	<b>13.116.160.000</b>	<b>13.116.160.000</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

Số đầu năm	13.116.160.000
Số tiền vay đã trả	<u>(5.913.080.000)</u>
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>7.203.080.000</b>

**17b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>169.174.158.378</b>	<b>160.862.158.378</b>
Vay dài hạn ngân hàng	91.286.262.378	82.974.262.378
- Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa <sup>(i)</sup>	67.696.200.978	67.696.200.978
- Vay dài hạn Quỹ đầu tư Phát triển Khánh Hòa <sup>(ii)</sup>	23.590.061.400	15.278.061.400
Vay dài hạn các tổ chức khác	77.887.896.000	77.887.896.000
- Vay dài hạn Ngân sách Tỉnh Khánh Hòa <sup>(iii)</sup>	77.887.896.000	77.887.896.000
<b>Cộng</b>	<b>169.174.158.378</b>	<b>160.862.158.378</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

(i) Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa để "Nâng cấp cải tạo hệ thống cấp nước và vệ sinh Thành phố Nha Trang với hạn mức 135.392.400.978 VND, lãi suất 5%/năm (bao gồm phí quản lý cho vay lại 0,2%/năm), thời hạn vay 25 năm kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2000, thời hạn trả nợ gốc là 20 năm (mỗi năm 2 kỳ) kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2004. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Số dư nợ vay tại ngày 30 tháng 9 năm 2016 là 67.696.200.978 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đến thời điểm ngày 31/12/2008, Dự án “Nâng cấp cải tạo Hệ thống cấp nước và vệ sinh TP. Nha Trang”, được hình thành từ vốn vay ODA, đã hoàn thành và đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, quyết toán toàn bộ dự án chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Vì vậy, Công ty chỉ ghi nhận nợ vay theo giá trị tài sản, vật tư, công cụ do Ban quản lý Dự án Cấp nước và vệ sinh TP. Nha Trang tạm bàn giao theo số liệu đã xác nhận nợ vay của Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Khánh Hòa. Sau khi chuyển sang Công ty Cổ phần toàn bộ giá trị tài sản, vật tư, công cụ vay từ vốn ODA đã được đánh giá lại và được xác định là tài sản của Công ty theo Quyết định số: 1416/QĐ- UBND ngày 17/06/2013 và Quyết định số 2140/QĐ-UBND ngày 29/08/2013 của UBND tỉnh Khánh Hòa về “Giá trị Doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Khánh Hòa”.

- (ii) Công ty có các khoản vay dài hạn Quỹ đầu tư Phát triển Khánh Hòa với chi tiết như sau:
- Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐTD-ĐTPT ngày 19 tháng 9 năm 2013 với hạn mức tín dụng 28 tỷ VND, mục đích vay để đầu tư dự án Cấp nước sạch Xã Vĩnh Lương, thời hạn vay là 102 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu (25/9/2013), thời gian ân hạn 06 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, lãi suất 8,29%/năm, biện pháp đảm bảo bằng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai - tài sản tại Nhà máy nước Võ Cạnh. Số dư nợ vay tại ngày 30 tháng 9 năm 2016 là 12.905.061.400 VND.
  - Hợp đồng tín dụng số 04/2015/HĐTD-DĐTPT ngày 30 tháng 10 năm 2015 với hạn mức 25 tỷ VND, mục đích vay dùng để đầu tư dự án “Cấp nước sạch Khu dân cư Diên Thủy, Diên Sơn và Diên Phú”, thời hạn vay là 90 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu từ ngày 14 tháng 12 năm 2015, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu, thời gian trả nợ gốc 84 tháng, lãi suất 8,29%/năm, biện pháp đảm bảo bằng tài sản thế chấp hình thành trong tương lai - tài sản được hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay tại ngày 30 tháng 9 năm 2016 là 11.965.000.000 VND.
- (iii) Vay dài hạn Ngân sách Tỉnh Khánh Hòa để đầu tư nâng cấp mở rộng Nhà máy nước Võ Cạnh và lắp đặt hệ thống Lamella cho bể lắng Nhà máy nước Võ Cạnh thuộc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Khánh Hòa với lãi suất 0%. Khoản vay này không đảm bảo với thời hạn trả nợ gốc 12 năm kể từ ngày công trình hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng. Số dư nợ vay tại ngày 30 tháng 09 năm 2016 là 77.887.896.000.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	91.286.262.378	8.312.000.000	91.286.262.378
Vay dài hạn các tổ chức khác	77.887.896.000	-	77.887.896.000
<b>Cộng</b>	<b>169.174.158.378</b>	<b>8.312.000.000</b>	<b>169.174.158.378</b>

#### 18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	(44.292.000)	3.043.554.000	(2.915.167.000)	84.095.000
Quỹ phúc lợi	3.757.126.278	1.268.147.000	( 105.531.000)	4.919.742.278
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	760.888.000	(760.888.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>3.712.834.278</b>	<b>5.072.589.000</b>	<b>(3.479.671.000)</b>	<b>5.003.837.278</b>

#### 19. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Số đầu năm	1.955.169.662
------------	---------------

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Số đã sử dụng trong kỳ	(30.400.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.924.769.662</b>

**20. Vốn chủ sở hữu****20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

**20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa	206.000.000.000	206.000.000.000
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	40.600.000.000	40.600.000.000
Các cổ đông khác	13.400.000.000	13.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>260.000.000.000</b>	<b>260.000.000.000</b>

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	<u>Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</u>		<u>Vốn điều lệ đã góp (VND)</u>	<u>Vốn điều lệ còn phải góp (VND)</u>
	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>		
Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Khánh Hòa	206.000.000.000	79,23	206.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	40.600.000.000	15,62	40.600.000.000	-
Các cổ đông khác	13.400.000.000	5,15	13.400.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>260.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>260.000.000.000</b>	<b>-</b>

Trong kỳ, Công ty đã mua lại 22.200 cổ phiếu của cán bộ công nhân viên Công ty với số tiền 290.820.000 VND.

**20c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.000.000	26.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.000.000	26.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	26.000.000	26.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	22.200	-
- Cổ phiếu phổ thông	22.200	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	25.977.800	26.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	25.977.800	26.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**21. Phân phối lợi nhuận**

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	-
• Trích quỹ đầu tư phát triển	-
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban điều hành, quản lý	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Quý 3/2016	Quý 3/2015
Doanh thu sản xuất nước sạch	63.405.645.584	56.856.106.654
Doanh thu hoạt động xây lắp	3.601.230.246	6.832.676.318
Doanh thu khảo sát thiết kế	61.624.254	86.916.474
Doanh thu bán vật tư	6.375.000	79.091
<b>Cộng</b>	<b>67.074.875.084</b>	<b>63.775.778.537</b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Quý 3/2016	Quý 3/2015
Hàng bán bị trả lại	7.542.000	-
<b>Cộng</b>	<b>6.089.114</b>	<b>-</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	Quý 3/2016	Quý 3/2015
Giá vốn sản xuất nước	53.430.108.176	46.041.991.225
Giá vốn xây lắp	3.254.513.607	6.376.505.067
Giá vốn thiết kế	12.388.861	33.883.334
Giá vốn khác (bán vật tư,..)	5.490.643	-
<b>Cộng</b>	<b>56.702.501.278</b>	<b>52.452.379.626</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý 3/2016	Quý 3/2015
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	503.529.966	728.011.135
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	23.822.025	14.365.376
<b>Cộng</b>	<b>527.351.991</b>	<b>742.376.511</b>

**5. Chi phí tài chính**

	Quý 3/2016	Quý 3/2015
Chi phí lãi vay	1.471.421.146	1.216.279.144
<b>Cộng</b>	<b>1.471.421.146</b>	<b>2.674.877.592</b>

**6. Chi phí bán hàng**

	Quý 3/2016	Quý 3/2015
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
Các chi phí khác	-	60.000.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>60.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA**

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

<b>7. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<b>Quý 3/2016</b>	<b>Quý 3/2015</b>
Chi phí cho nhân viên	177.667.421	301.410.215
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	10.018.182	32.027.273
Chi phí khấu hao tài sản cố định	74.732.820	84.321.456
Thuế, phí và lệ phí	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	153.315.340	104.285.851
Các chi phí khác	771.494.475	667.446.225
<b>Cộng</b>	<b>1.187.228.238</b>	<b>1.189.491.020</b>
<b>8. Thu nhập khác</b>		
	<b>Quý 3/2016</b>	<b>Quý 3/2015</b>
Thu phí bảo vệ môi trường	2.322.749.138	1.860.862.200
Thu nhượng bán, tha nh lý tài sản cố định	778.818.181	-
Thu nhập khác	53.229.124	54.032.767
<b>Cộng</b>	<b>3.154.796.443</b>	<b>1.914.894.967</b>
<b>9. Chi phí khác</b>		
	<b>Quý 3/2016</b>	<b>Quý 3/2015</b>
Chi phí hỗ trợ thu phí bảo vệ môi trường	2.271.982.840	1.039.888.780
Chi phí khấu hao của hợp tác đầu tư	65.018.076	32.509.038
Chi phí tiền xăng dầu	83.820.083	-
Chi phí bị phạt	299.851	3.130.322
Các chi phí khác	14.350.246	-
<b>Cộng</b>	<b>2.435.471.096</b>	<b>1.075.528.140</b>
<b>10. Lãi trên cổ phiếu</b>		
<b>10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>		
	<b>Quý 3/2016</b>	<b>Quý 3/2015</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.429.024.662	8.431.655.349
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	7.429.024.662	8.431.655.349
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	25.999.096	26.000.000
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>285.728.000</b>	<b>323.655.000</b>
<b>10b. Thông tin khác</b>		
Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.		
<b>11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>		
	<b>Quý 3/2016</b>	<b>Quý 3/2015</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Quý 3/2016	Quý 3/2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.052.240.237	7.502.891.764
Chi phí nhân công	13.517.141.000	13.840.183.000
Chi phí chung	13.895.491.128	19.489.833.867
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.057.549.927	12.200.243.606
Chi phí phân bổ	503.826.653	7.814.772.532
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.025.472.696	190.765.121
Chi phí khác	890.653.571	2.410.175.444
<b>Cộng</b>	<b>59.942.375.212</b>	<b>63.448.865.334</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong kỳ là 3.090.834.000VND.

#### 1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Suối Dầu là công ty liên kết.

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

#### *Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.12.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

### 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất nước sạch và xây lắp hệ thống nước và trong một khu vực địa lý là lãnh thổ nước Việt Nam.

### 3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm

## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

---

soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

#### **3a. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

##### *Phải thu khách hàng*

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

##### *Tiền gửi ngân hàng*

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

#### **3a. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

#### **3a. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC KHÁNH HÒA

Địa chỉ: 58 Yersin, Phường Phương Sài, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận trước thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

### *Rủi ro về giá nguyên vật liệu*


Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.


### **3a. Tài sản đảm bảo**

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 9 năm 2016 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Khánh Hòa, ngày 15 tháng 10 năm 2016

  
Nguyễn Văn Quân  
Kế toán trưởng



  
Trần Văn Huy  
Tổng Giám đốc